

Vietnam Daily Review

Phiên giằng co

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 21/10/2021		•	
Tuần 18/10-22/10/2021		•	
Tháng 10/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường hôm nay tiếp tục trải qua một phiên giằng co cân sức giữa bên bán và bên mua khi chỉ số VN-Index liên tục rung lắc trong vùng 1390-1400. Tuy nhiên, đến cuối phiên chiều, thị trường đột nhiên bán tháo khiến VN-Index mất hơn 18 điểm trước khi được bên mua kéo lên lại. Kết phiên, VN-Index đóng cửa giảm 0.11%. Nhìn chung, thị trường ngày hôm nay khá tiêu cực khi có tận 13/19 ngành giảm điểm và độ rộng thị trường tiếp tục hướng về phía tiêu cực với số mã giảm áp đảo. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng hơn 1000 tỷ trên sàn HSX. Phiên giảm điểm hôm nay cũng cho thấy lực cầu thị trường tại ngưỡng 1380 điểm là khá lớn. Phiên đảo hạn HĐTL ngày mai có thể chứng kiến một phiên biến động mạnh, đặc biệt sau khi thị trường đã tích lũy trong một giai đoạn dài.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều điều chỉnh nhẹ theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên đảo hạn HĐTL ngày mai.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 20/10/2021, các chứng quyền đều giảm giá khi thị trường điều chỉnh. Giá trị giao dịch tăng nhẹ.

Phân tích kỹ thuật: PHR_Tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-1.53** điểm, đóng cửa **1,393.80** điểm. HNX-Index **+1.29** điểm, đóng cửa **388.29** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MSN (+0.65)**, **TCB (+0.46)**, **OCB (+0.41)**, **VRE (+0.40)**, **PDR (+0.38)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.32)**, **VHM (-0.68)**, **SAB (-0.54)**, **CTG (-0.37)**, **HPG (-0.34)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **22,203** tỷ đồng, tăng **20.4%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 23,780 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 26 điểm. Thị trường có **180** mã tăng, 60 mã tham chiếu và **242** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **- 1,364.74** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-358.78 tỷ)**, **NLG (-253.11 tỷ)**, **VIC (-128.35 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-34.89** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1393.80**
Giá trị: 22203.01 tỷ **-1.53 (-0.11%)**
Khối ngoại (ròng): -1364.74 tỷ

HNX-INDEX **388.29**
Giá trị: 2532.74 tỷ **1.29 (0.33%)**
Khối ngoại (ròng): -34.89 tỷ

UPCOM-INDEX **99.68**
Giá trị: 1800.11 tỷ **0.08 (0.08%)**
Khối ngoại (ròng): -5.99 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	82.3	-0.84%
Giá vàng	1,778	0.47%
Tỷ giá USD/VND	22,758	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	26,465	-0.09%
Tỷ giá JPY/VND	19,876	-0.08%
LS liên NH 1 tháng	1.0%	5.57%
LS TPCP 5 năm	1.0%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUESSVFL	65.8	HPG	-358.8
VNM	63.6	NLG	-235.1
DPM	56.7	VIC	-128.4
E1VFN30	38.2	VHM	-126.6
FUEVFVNI	24.8	VCB	-113.6
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 20/10

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	83.02	0.07%	3.20%	18.40%	97.34%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	85.14	0.07%	2.40%	16.50%	100.66%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	248.29	0.30%	3.20%	20.50%	111.69%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1772.28	0.17%	-1.20%	0.50%	-5.67%		PNJ
Bạc	USD/ounce	23.71	0.20%	2.70%	6.50%	0.24%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1226.50	-0.12%	2.60%	-2.90%	24.83%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	738.50	0.34%	2.70%	5.40%	17.55%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.22	0.00%	2.00%	14.00%	16.41%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	202.76	-0.59%	2.10%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	18.87	-2.48%	-6.00%	-5.00%	39.99%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	204.25	1.31%	-4.20%	9.60%	77.92%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	10149.50	-0.46%	7.20%	9.00%	47.12%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	846.83	-1.03%	-0.60%	-1.80%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	874.72	-1.91%	-0.50%	-3.20%			
Nhôm	USD/ton	3112.00	-1.75%	1.40%	7.80%	69.64%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	111.24	0.50%	-5.70%	-2.20%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	199.10	-6.44%	-16.90%	18.70%	201.90%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô Brent kết phiên tăng 75 cent lên 85.08 USD/thùng, dầu WTI tăng 52 cent lên 82.96 USD/thùng.
- Giá dầu tăng lên sát mức cao nhất nhiều năm do cuộc khủng hoảng năng lượng vẫn còn tiếp diễn trên toàn cầu, trong khi thời tiết tại Trung Quốc ngày càng lạnh làm đẩy lên lo ngại về việc nhu cầu năng lượng sưởi ấm ở nước này sẽ tăng lên.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay tăng 0.3% lên 1,769.94 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 12/2021 cũng tăng 0.3% lên 1,770.5 USD.
- Giá vàng tiếp tục tăng nhẹ dù đã tăng bị hạn chế bởi lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ tăng và doanh thu của các công ty Mỹ lạc quan.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2022 trên sàn giao dịch Hàng hóa Đại Liên của Trung Quốc tăng 0.1% lên 707 CNY (110.37 USD)/tấn. Giá tăng do lượng cung ứng từ các nhà cung cấp lớn sụt giảm.
- Giá thép thanh vân trên sàn Thượng Hải tăng 2.3% lên 5,546 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng tăng 1.2% lên 5,736 CNY/tấn.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 3/2022 trên sàn Osaka tăng 9.1 yên tương đương 4.1% lên 233.1 yên/kg. Trên sàn Thượng Hải, giá cao su kỳ hạn tháng 1/2022 tăng 5.1% lên 15,350 CNY/tấn.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2021 tăng 2.65 US cent (1.3%) lên 2.0425 USD/lb. Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 1/2022 cũng tăng 5 USD, tương đương 0.2% lên 2,120 USD/tấn.
- Giá đường thô giảm 0.48 US cent, tương đương 2.5%, xuống 18.87 US cent/lb, mức thấp nhất kể từ cuối tháng 9. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 12/2021 giảm 1.1% xuống 501.80 USD/tấn.

	20/10	% 20/10	19/10	% 19/10	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1393.80	-0.11%	1395.33	-0.01%	0.14%	3.21%
S&P 500			4519.63	0.74%	3.88%	1.95%
HĐTL S&P500	4509.50	-0.04%	4511.25	0.75%	3.55%	3.71%
Shang- hai	3587.00	-0.17%	3593.15	0.70%	0.71%	-2.87%
Euro Stoxx	4163.57	-0.08%	4166.83	0.37%	1.97%	2.97%

Phân tích kỹ thuật
PHR_Tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: PHR đang hình thành phiên có tín hiệu hồi phục từ ngưỡng hỗ đáy 60.5 Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD vẫn đang ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng đã cắt lên đường MA20 và MA50 báo hiệu xu hướng hồi phục. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 56.0, chốt lãi tại ngưỡng 64.3 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ ngắn hạn 52.2.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

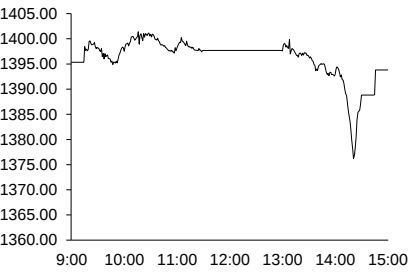
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bảo hiểm	-1.76%
Dầu khí	-1.66%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.41%
Dịch vụ tài chính	-0.92%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.82%
Công nghệ Thông tin	-0.80%
Du lịch và Giải trí	-0.73%
Tài nguyên Cơ bản	-0.60%
Ngân hàng	-0.57%
Thực phẩm và đồ uống	-0.43%
Bán lẻ	-0.41%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.26%
Truyền thông	-0.17%
Viễn thông	0.00%
Bất động sản	0.02%
Y tế	0.33%
Ô tô và phụ tùng	0.46%
Xây dựng và Vật liệu	0.65%
Hóa chất	0.75%

Hình 1

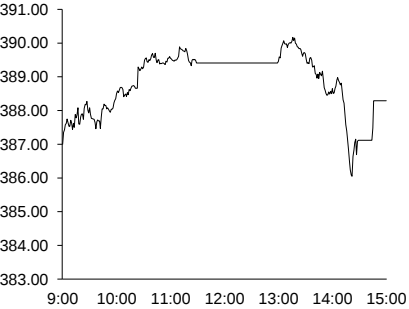
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

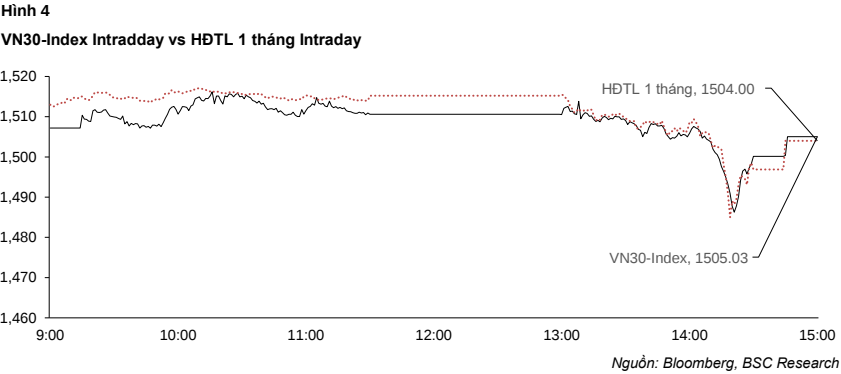
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
10/19/2021	MBG	11.5	14	10.5	12.6	1	9.57%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/18/2021	SD9	10.3	12.35	9	11	2	6.80%	Có thể tiếp tục mua
10/15/2021	TDT	14.6	17	13.5	14.2	5	-2.74%	Có thể tiếp tục mua
10/14/2021	HVH	10.2	11.8	9.8	10.55	6	3.43%	Có thể tiếp tục mua
10/13/2021	VNP	22.5	25	21.5	21.8	7	-3.11%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/12/2021	NSH	18.7	20.8	17.5	18	8	-3.74%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/8/2021	VSC	62.5	70	60	67.7	12	8.32%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/7/2021	TIP	43.3	48	41	42.75	13	-1.27%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/6/2021	DRC	33.7	37	31.3	32.3	14	-4.15%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
10/5/2021	VGC	34.65	38.5	32.5	34	15	-1.88%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/4/2021	GVR	37.1	44.5	36	37.5	16	1.08%	Có thể tiếp tục mua
10/1/2021	CII	18.5	20.5	17.7	19.25	19	4.05%	Có thể tiếp tục mua
9/30/2021	EVG	12.15	14	11.2	12.9	20	6.17%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/29/2021	NT2	20.8	23.5	20	23.05	21	10.82%	Cần nhắc không mua thêm (**)
9/28/2021	HPG	52.6	61.2	50.2	56.9	22	8.17%	Có thể tiếp tục mua
9/15/2021	VRE	28.55	32	27	30.95	35	8.41%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
10/11/2021	VHM	81	88	79.5	SL	3	-1.85%
9/24/2021	TCH	18.05	21	17	SL	17	-5.82%
9/23/2021	LHG	50.8	59	48.5	SL	5	-4.53%
9/22/2021	PNJ	93.1	100.2	90.8	SL	6	-2.47%
9/21/2021	MIG	25.75	29.5	23.75	SL	6	-7.77%
9/20/2021	VNM	88.7	95	85	TP	24	7.10%
9/17/2021	PTB	105.9	115.4	98.45	TP	14	8.97%
9/16/2021	BMI	35.8	38	34	TP	5	6.15%
9/14/2021	PXS	6.24	7.2	5.8	TP	9	15.38%
9/13/2021	KDH	41.25	45.5	39.5	TP	31	10.30%
9/9/2021	AST	51.8	60	48.5	TP	35	15.83%
9/8/2021	SGT	22.6	26.5	19.75	TP	7	17.26%
9/7/2021	HVN	22.1	25	20.5	TP	3	13.12%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	10	6	6.68%	-2.82%	3.12%	14
Cổ phiếu đã chốt	196	129	14.20%	-7.82%	5.46%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2110	1504.00	-0.44%	-1.03	8.7%	165,106	10/21/2021	3
VN30F2111	1504.60	-0.32%	-0.43	26.9%	7,058	11/18/2021	31
VN30F2112	1502.00	-0.11%	-3.03	146.9%	79	12/16/2021	59
VN30F2203	1492.60	-0.64%	-12.43	114.8%	58	3/17/2022	150

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm nhẹ -2.16 điểm xuống 1393.80 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VHM, MBB, FPT, MSN, MWG tác động tiêu cực đến vận động giảm của VN30. VN30 duy trì sắc xanh trong phiên sáng nhưng đã đảo chiều giảm điểm vào phiên chiều. VN-30 sẽ tiếp tục tích lũy trong vùng quanh ngưỡng 1510 điểm.
- Các HDTL đều điều chỉnh nhẹ theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các HDTL đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2110 và VN30F2203 có giá trị tăng. Phiên đáo hạn ngày mai có thể chứng kiến biến động mạnh trong phiên giao dịch. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTCB2109	3/7/2022	138	4:1	519,100	37.45%	2,200	2,820	1.81%	1,669	1.69	56,560	50,000	53,200
CMWG2108	3/14/2022	145	5:1	3,100	35.51%	3,500	3,970	0.00%	2,914	1.36	131,400	126,000	129,200
CMWG2109	2/10/2022	113	3.32:1	107,100	35.51%	4,000	7,420	-0.54%	6,438	1.15	136,360	112,954	129,200
CHPG2110	12/6/2021	47	5:1	601,300	36.29%	1,500	3,150	-0.63%	2,703	1.17	82,450	44,000	56,900
CMBB2106	1/26/2022	98	4:1	1,778,000	37.14%	1,000	690	-1.43%	147	4.70	44,800	34,000	28,200
CHPG2111	1/6/2022	78	5:1	1,220,600	36.29%	1,700	2,650	-1.49%	2,055	1.29	63,750	48,000	56,900
CMSN2108	4/27/2022	189	20:1	119,700	39.94%	1,600	1,030	-1.90%	523	1.97	253,599	159,999	143,100
CNVL2103	1/19/2022	91	5:1	170,300	32.28%	4,100	2,550	-1.92%	1,212	2.10	121,550	105,000	102,300
CFPT2105	1/6/2022	78	4.95:1	338,700	31.15%	3,500	3,900	-2.26%	3,086	1.26	104,400	86,000	97,600
CKDH2103	12/2/2021	43	10:1	189,000	31.97%	1,200	420	-2.33%	64	6.57	60,879	48,779	44,300
CPNJ2108	2/10/2022	113	14:1	243,100	30.62%	1,500	1,140	-2.56%	561	2.03	128,360	97,000	99,000
CVHM2112	2/10/2022	113	10:1	321,400	33.43%	1,500	1,080	-2.70%	447	2.42	#N/A	84,000	78,800
CHPG2114	4/27/2022	189	10:1	1,363,300	36.29%	1,200	1,210	-3.20%	679	1.78	90,889	56,789	56,900
CKDH2104	1/19/2022	91	2:1	247,000	31.97%	3,500	2,400	-3.61%	1,683	1.43	48,260	44,000	44,300
CHPG2112	12/27/2021	68	6:1	143,100	36.29%	1,900	2,040	-3.77%	1,557	1.31	64,800	48,900	56,900
CVPB2105	12/2/2021	43	20:1	47,100	36.59%	1,500	710	-4.05%	-		158,979	73,179	38,300
CNVL2104	4/27/2022	189	20:1	185,900	32.28%	1,300	890	-4.30%	397	2.24	266,888	108,888	102,300
CVHM2109	2/10/2022	113	3.79:1	32,100	33.43%	1,000	1,600	-4.76%	302	5.30	111,540	98,654	78,800
CVIC2105	1/6/2022	78	4.44:1	376,400	32.50%	3,250	1,210	-6.20%	1,378	0.88	119,188	120,000	92,300
CMSN2106	12/2/2021	43	20:1	88,600	39.94%	1,500	560	-11.11%	100	5.60	174,579	160,779	143,100
Tổng				7,575,800	34.42%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 20/10/2021, các chứng quyền đang đều giảm giá khi thị trường điều chỉnh.
- CVPB2107 và CVIC2106 tăng mạnh lần lượt là 13.68% và 8.87%. Giá trị giao dịch tăng nhẹ 4.37%. CNVL2104 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.88% thị trường.
- CHPG2109, CKDH2105, CTCB2108 và CMWG2108 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CNVL2104, CHPG2115, CPDR2103 và CHPG2110 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2109, CVJC2101 và CFPT2105 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	129.2	-0.4%	0.9	4,005	7.5	6,428	20.1	5.0	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	99.0	1.0%	1.0	979	3.5	5,812	17.0	3.9	48.5%	25.3%
BVH	Bảo hiểm	60.5	-1.5%	1.4	1,953	2.9	2,522	24.0	2.1	26.6%	9.2%
PVI	Bảo hiểm	48.0	-4.0%	0.5	466	2.3	3,491	13.7	1.5	56.3%	10.8%
VIC	Bất động sản	92.3	-0.1%	0.7	15,270	12.5	1,767	52.3	3.9	13.7%	7.7%
VRE	Bất động sản	31.0	2.1%	1.1	3,058	9.2	1,195	25.9	2.3	30.1%	9.3%
VHM	Bất động sản	78.8	-0.8%	1.0	14,918	18.9	7,714	10.2	3.5	22.9%	40.2%
DXG	Bất động sản	21.2	-0.9%	1.3	549	5.2	1,379		1.5	28.9%	11.0%
SSI	Chứng khoán	40.3	-1.5%	1.5	1,722	23.7	1,861	21.7	3.5	43.8%	16.5%
VCI	Chứng khoán	63.9	-1.5%	1.0	925	13.0	3,466	18.4	4.0	20.2%	25.4%
HCM	Chứng khoán	38.7	-0.8%	1.6	769	4.2	2,210	17.5	3.2	47.2%	19.4%
FPT	Công nghệ	97.6	-1.0%	0.9	3,851	9.6	4,234	23.1	5.3	49.0%	24.1%
FOX	Công nghệ	80.0	-1.1%	0.4	1,142	0.1	4,304	18.6	5.6	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	114.5	0.0%	1.3	9,528	8.4	4,077	28.1	4.7	2.5%	16.2%
PLX	Dầu khí	53.9	-1.6%	1.5	2,978	2.8	3,216	16.8	2.7	17.7%	17.9%
PVS	Dầu khí	28.8	-1.4%	1.7	598	8.8	1,136	25.4	1.1	8.0%	4.4%
BSR	Dầu khí	23.5	-0.8%	0.8	3,168	14.9	(909)		2.3	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	98.7	1.3%	0.3	561	0.0	6,020	16.4	3.8	54.4%	22.8%
DPM	Hóa chất	45.7	3.2%	0.8	778	15.5	2,903	15.7	2.1	10.5%	13.6%
DCM	Hóa chất	33.5	3.1%	0.7	771	7.8	1,169	28.7	2.6	4.0%	9.4%
VCB	Ngân hàng	95.0	-1.5%	1.1	15,319	6.5	5,534	17.2	3.4	23.5%	21.1%
BID	Ngân hàng	39.8	-0.7%	1.3	6,951	1.9	2,464	16.1	2.0	16.6%	12.6%
CTG	Ngân hàng	30.0	-1.0%	1.3	6,268	12.1	3,417	8.8	1.6	24.4%	19.0%
VPB	Ngân hàng	38.3	-0.5%	1.2	7,403	14.1	2,807	13.6	2.8	15.4%	23.0%
MBB	Ngân hàng	28.2	0.0%	1.2	4,633	11.0	2,764	10.2	2.0	23.2%	21.5%
ACB	Ngân hàng	32.3	0.0%	1.0	3,794	5.4	3,589	9.0	2.2	30.0%	27.2%
BMP	Nhựa	53.3	0.9%	0.7	190	0.2	4,762	11.2	1.9	83.4%	16.4%
NTP	Nhựa	50.7	-0.2%	0.4	260	0.0	4,085	12.4	2.2	18.7%	18.3%
MSR	Tài nguyên	26.6	-0.7%	0.7	1,271	1.1	39	682.1	2.1	10.1%	0.3%
HPG	Thép	56.9	-0.5%	1.1	11,066	85.5	5,616	10.1	3.4	25.2%	39.8%
HSG	Thép	49.2	-0.2%	1.4	1,056	21.6	7,745	6.4	2.4	12.1%	47.9%
VNM	Tiêu dùng	90.0	-0.3%	0.6	8,178	13.6	4,572	19.7	5.9	54.7%	30.9%
SAB	Tiêu dùng	155.2	-2.1%	0.8	4,327	2.8	7,293	21.3	4.8	62.7%	24.3%
MSN	Tiêu dùng	143.1	1.5%	0.9	7,345	6.1	1,787	80.1	7.9	32.2%	9.4%
SBT	Tiêu dùng	21.1	-0.9%	1.2	576	3.1	951	22.1	1.6	7.5%	7.4%
ACV	Vận tải	86.4	1.6%	0.8	8,178	0.1	577	149.7	5.0	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	135.9	0.5%	1.1	3,200	5.5	279		4.3	17.6%	0.9%
HVN	Vận tải	25.9	0.6%	1.7	2,498	0.6	(7,153)		N/A N/A	9.2%	#VALUE!
GMD	Vận tải	50.6	-1.7%	1.0	663	7.2	1,357	37.3	2.5	40.1%	6.7%
PVT	Vận tải	24.4	-0.4%	1.4	343	6.0	2,487	9.8	1.6	13.7%	17.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	130.0	-0.8%	0.9	904	2.3	9,519	13.7	4.9	3.7%	44.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	34.0	-0.3%	0.4	663	1.2	2,098	16.2	2.4	4.2%	14.4%
HT1	Vật liệu xây dựng	24.4	1.7%	0.9	405	3.3	1,653	14.8	1.7	3.1%	11.3%
CTD	Xây dựng	69.0	1.2%	1.0	222	0.3	2,005	34.4	0.6	44.8%	1.8%
CII	Xây dựng	19.3	0.8%	0.6	200	2.9	127	151.8	1.0	21.8%	0.6%
REE	Điện	74.9	0.1%	-1.4	1,006	1.2	5,807	12.9	1.9	49.0%	15.8%
PC1	Điện	38.7	-0.5%	-0.4	322	3.2	3,445	11.2	1.7	7.0%	17.5%
POW	Điện	12.3	0.0%	0.6	1,252	7.2	1,079	11.4	1.0	2.8%	8.7%
NT2	Điện	23.1	2.7%	0.5	289	2.0	2,063	11.2	1.6	13.9%	14.5%
KBC	Khu công nghiệp	43.1	-1.1%	1.1	1,068	19.4	1,808	23.8	2.0	16.7%	8.6%
BCM	Khu công nghiệp	44.8	1%	1.0	2,016	0.6			3.0	1.9%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	143.10	1.49	0.66	987100
TCB	53.20	0.95	0.46	22.70MLN
VRE	30.95	2.15	0.40	6.91MLN
PDR	96.40	3.10	0.37	6.29MLN
OCB	26.60	4.31	0.32	8.30MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-1.38	1.56MLN	1.11MLN
VHM	0.00	-0.69	5.51MLN	607060
SAB	0.00	-0.56	403600	373600
CTG	0.00	-0.38	9.26MLN	192700
HPG	0.00	-0.36	34.66MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LCG	15.70	9.33	0.04	2.05MLN
HQC	4.44	6.99	0.04	39.45MLN
JVC	7.05	6.98	0.01	5.87MLN
QBS	4.91	6.97	0.01	6.44MLN
PLP	15.40	6.94	0.01	1.94MLN

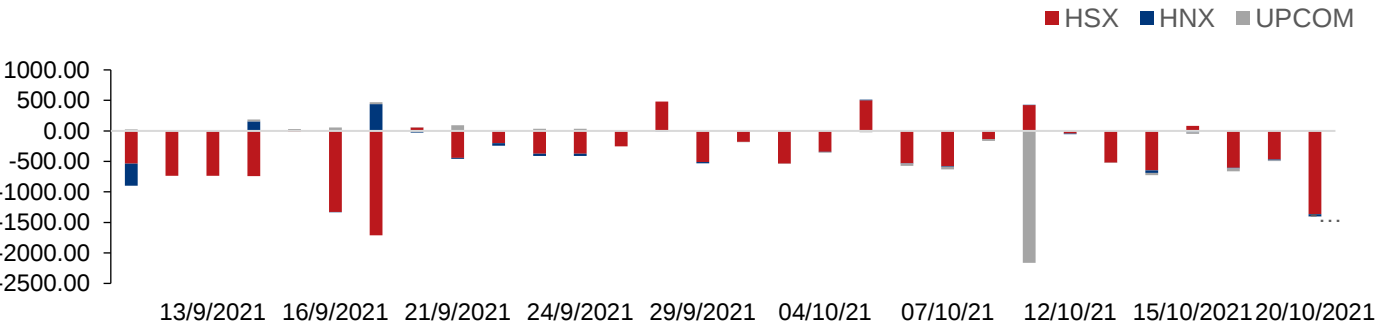
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TGG	26.90	-6.92	-0.01	629400
SII	16.40	-6.82	-0.02	500
DRH	18.60	-6.77	-0.02	5.41MLN
DAT	26.00	-6.14	-0.02	100
ST8	10.90	-6.03	-0.01	8000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	32.3	3,589	9.0	2.2	Click
2	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
3	ANV	Thủy sản	Mua	27/6/21	32.4	38.7	32.9	1,686	19.5	1.7	Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	11.5	566	20.3	1.1	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	10.8	-411		1.0	Click
6	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	46.8	3,949	11.9	2.0	Click
7	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	30.0	3,417	8.8	1.6	Click
8	DBC	Bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	71.3	56.2	8,518	6.6	1.3	Click
9	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	33.5	1168.9	28.7	2.6	Click
10	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	72.8	96.5	158.2	7,258	21.8	5.5	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	112.8	4,602	24.5	7.2	Click
12	DPG	Bất động sản	Theo dõi	10/6/21	39.3	N/a	66.9	4,905	13.6	3.6	Click
13	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	45.7	2,903	15.7	2.1	Click
14	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	32.3	2,633	12.3	2.2	Click
15	DXG	Bất động sản	Mua	11/5/21	23.4	30.2	21.2	1,379		1.5	Click
16	FPT	Viễn thông	Mua	18/8/21	93.8	107.0	97.6	4,234	23.1	5.3	Click
17	GAS	Dầu khí	mua	6/9/21	90.4	109.4	114.5	4,077	28.1	4.7	Click
18	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	37.5	1,180	31.8	3.1	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	56.9	5,616	10.1	3.4	Click
20	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	49.2	7,745	6.4	2.4	Click
21	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	10.5	-1,169		1.0	Click
22	ITD	Công nghệ	Mua	17/9/21	19.9	22.0	26.4	1,860	14.2	1.8	Click
23	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	n/a	44.3	1,966	22.5	3.2	Click
24	LHG	Bất động sản	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	55.0	6,776	8.1	1.9	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	88.9	6,547	13.6	3.1	Click
26	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	118.9	140.4	129.2	6,428	20.1	5.0	Click
27	NKG	Thép	Theo dõi	1/9/21	39.5	46.5	55.7	6,786	8.2	2.6	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	5/8/21	43.8	46.4	50.7	3,926	12.9	2.2	Click
29	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	23.1	2,063	11.2	1.6	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	38.7	3,445	11.2	1.7	Click
31	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	99.0	5,812	17.0	3.9	Click
32	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	12.3	1,079	11.4	1.0	Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	25.8	0	1172.4	0.8	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	28.8	1,136	25.4	1.1	Click
35	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	21.1	951	22.1	1.6	Click
36	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	37.9	1,064	35.6	3.9	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	54.7	16114.6	3.4	1.4	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	53.2	4,613	11.5	2.2	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	95.0	5,534	17.2	3.4	Click
40	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	20.4	570	35.8	1.6	Click
41	VHC	Thủy sản	Mua	6/9/21	49.6	61.0	58.2	4,035	14.4	1.9	Click
42	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	78.8	7,714	10.2	3.5	Click
43	VNM	Bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	90.0	4,572	19.7	5.9	Click
44	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	38.3	2,807	13.6	2.8	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	31.0	1,195	25.9	2.3	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	67.7	5,006	13.5	2.0	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	79.4	3,256	24.4	6.8	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
2	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
3	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
5	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
6	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
9	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
12	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
13	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
14	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
15	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
16	Banking Sector Outlook		x	Click
17	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
19	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
20	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
21	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
22	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
24	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
25	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
26	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
27	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
29	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
30	Fishery Outlook 2021		x	Click
31	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
32	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
33	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
34	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
35	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
36	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
37	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
38	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
40	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639